



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Áp suất vận hành	0 MPa...0.9 MPa 0 bar...9 bar 0 psi...130.5 psi
Kích thước	100 mm
Các biến thể	Khối kết nối cho các chức năng an toàn, HFT0 được chuẩn bị để xả, VDI/VDE 3845 Khối kết nối cho các chức năng an toàn, HFT0 được chuẩn bị để xả, VDI/VDE 3847 Khối kết nối cho các chức năng an toàn, HFT1 được chuẩn bị để xả, VDI/VDE 3847 Đế cuối van, tác động kép, hướng tác động có thể đảo ngược Bộ điều chỉnh bộ lọc, dải áp suất 0,5 ... 12 bar, độ mịn bộ lọc 40 µm Bộ điều chỉnh bộ lọc, dải áp suất 0,5 ... 12 bar, độ mịn bộ lọc 5 µm Mô-đun để đạt đến vị trí cuối xác định trong trường hợp áp suất bị lỗi Tăng thể tích, tác động kép Tăng âm lượng, tác động đơn lẻ
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:7:-] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lưu ý về khả năng chống sốc	Với nhiều hơn 3 mô-đun, các yêu cầu lắp đặt bổ sung là cần thiết hoặc giảm giá trị Hợp lệ cho tối đa 3 mô-đun + tấm cuối
Lớp chống ăn mòn KBK	3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Kiểu gắn	với phụ kiện
Cổng nối khí nén	Thiết kế tấm kết nối, airing
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn (20 µm)
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn (20 µm)

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu lò xo	Thép lò xo
Vật liệu cửa phốt	EPDM NBR
Vật liệu núm xoay	POM
Vật liệu bộ lọc	PE
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS